

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ N
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:23/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 12 - 2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thúy;
2. Ông Nguyễn Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 08 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:188/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Huỳnh Thị D, sinh năm 1977;

Địa chỉ cư trú: Số 02, đường K, khóm B, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Văn S, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Khóm B, phường T, thị xã N, tỉnh Đồng Tháp, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1996, chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S có tổ chức đám cưới, chung sống với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau đám cưới chị D và anh S chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 03 người con chung tên là Nguyễn Văn Y, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1999 (đã thành niên), Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004 và Nguyễn Văn Đức T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2009.

Từ khi anh, chị có với nhau 03 người con thì chị và anh S bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, không còn hòa hợp như trước. Bản thân chị thì làm ăn, chăm lo gia đình, ngược lại anh S không quan tâm đến gia đình, không làm tròn trách nhiệm với vợ con, chị đã nhiều lần khuyên ngăn và hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh S không nghe.

Nay chị Huỳnh Thị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị xin ly hôn với anh S.

Về nuôi con chung: Chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S tự nguyện thỏa thuận: Chị Huỳnh Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004 và Nguyễn Văn Đức T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2009 (Cháu H và cháu T có nguyện vọng và đang sống chung với chị D).

Về cấp dưỡng cho con: Chị Huỳnh Thị D yêu cầu anh Nguyễn Văn S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi một người con (H và T) một tháng bằng $\frac{1}{2}$ lương cơ sở tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 17 tháng 11 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

Chị Huỳnh Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại Bản khai đề ngày 17 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian chung sống vợ chồng, anh chị không có đăng ký kết hôn là đúng. Thời gian gần đây, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh và chị D bất đồng quan điểm, nên thường xuyên cự cãi nhau, ly thân cho đến nay.

Anh và chị D đã nhiều lần gặp mặt để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thành, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nay chị D xin ly hôn, anh S thống nhất ly hôn với chị D.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh tự nguyện thỏa thuận là chị Huỳnh Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004 và Nguyễn Văn Đức T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2009 (Cháu H và cháu T có nguyện vọng và đang sống chung với chị D).

Về cấp dưỡng cho con: Anh Nguyễn Văn S đồng ý cấp dưỡng cho mỗi một người con (H và T) một tháng bằng $\frac{1}{2}$ lương cơ sở tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 17 tháng 11 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S đều khẳng định không yêu cầu, cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm, yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Huỳnh Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn S được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã N thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về hôn nhân*: Từ năm 1996 cho đến nay, chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng được quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”.

[5] Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị D với anh Nguyễn Văn S.

[6] *Về nuôi con chung*: Chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S tự nguyện thỏa thuận: Chị Huỳnh Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004 và Nguyễn Văn Đức T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2009 (Cháu H và cháu T có nguyện vọng và đang sống chung với chị D) là phù hợp với Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] *Về cấp dưỡng*: Chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S thống nhất thỏa thuận; anh Nguyễn Văn S đồng ý cấp dưỡng cho mỗi một người con (H và T) một tháng bằng $\frac{1}{2}$ lương cơ sở tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 17 tháng 11 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

[8] Chị Huỳnh Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con là phù hợp với Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[9] *Về tài sản chung*: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[10] *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[11] *Về án phí*: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”. Vậy, chị Huỳnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng; anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, điểm a khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27, tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II (Danh mục án phí) của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị D với anh Nguyễn Văn S.

Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Huỳnh Thị D và anh Nguyễn Văn S; chị Huỳnh Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung tên là Nguyễn Thị Kim H, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2004 và Nguyễn Văn Đức T, sinh ngày 25 tháng 11 năm 2009.

(Hiện Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Văn Đức T đang sống chung với chị Huỳnh Thị D).

Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn S đồng ý cấp dưỡng cho mỗi một người con (H và T) một tháng bằng $\frac{1}{2}$ lương cơ sở tại thời điểm thi hành án, thời gian cấp dưỡng từ ngày 17 tháng 11 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

Chị Huỳnh Thị D cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn S trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

(Quyết định về cấp dưỡng được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị).

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Huỳnh Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số: 14142 ngày 06 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Đồng Tháp; chị Huỳnh Thị D đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm;

- Anh Nguyễn Văn S không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về án phí cấp dưỡng:

- Anh Nguyễn Văn S phải chịu án phí cấp dưỡng là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Chị Huỳnh Thị D không phải chịu án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 08 tháng 12 năm 2017), nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Trung

